

Bản án số: 58/2021/DS-ST

Ngày: 11/5/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Ngọc Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Diệp Xuân Hà – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2020/TLST-DS ngày 24/12/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-DS ngày 24/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-DS ngày 14/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: đường N, Phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Nguyên H là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 648/2020/UQ-CNPL ngày 20/11/2020).

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trác Bội S, sinh năm 1991;

Địa chỉ: đường B, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông S vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2020 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Nguyên H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/5/2017, ông Trác Bội S có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (viết tắt là “Ngân hàng”) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản

điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Theo đó, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông S với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,15%/tháng (lãi trong hạn), lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.500.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày khởi kiện, ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 22.850.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông S vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Trác Bội S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 31/01/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu S nợ quá hạn.

Tính đến ngày 05/5/2021, ông S còn nợ Ngân hàng số tiền là 23.682.595 đồng, trong đó, nợ gốc là 14.820.235 đồng, lãi quá hạn là 8.862.360 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông S có nghĩa vụ trả ngay cho Ngân hàng số tiền 23.682.595 đồng. Ông S còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/5/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn trên số nợ gốc theo thỏa thuận giữa ông S và Ngân hàng.

Ngân hàng chỉ cho cá nhân ông Trác Bội S vay tiền, không liên quan đến người khác, do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Nguyễn Nguyên H làm đại diện xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc ông Trác Bội S phải thanh toán ngay số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 05/5/2021 là 23.682.595 đồng, trong đó, nợ gốc là 14.820.235 đồng, lãi quá hạn là 8.862.360 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 06/5/2021 cho đến khi ông S thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 25/5/2017, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Việc nguyên đơn chốt nợ gốc đến ngày 31/01/2020 với số tiền là 14.820.235 đồng theo trình bày của đại diện nguyên đơn như sau: Khi khách hàng không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu khi đến hạn thì Ngân hàng sẽ gia hạn thêm cho khách hàng thời gian khoảng 03 tháng để thanh toán. Nếu hết thời gian này mà khách hàng vẫn không thanh toán thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Thời điểm chốt nợ gốc, chuyển toàn bộ số dư nợ của khách hàng sang nợ quá hạn thuộc về hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng, không có văn bản quy định.

Bị đơn ông Trác Bội S đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ

của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ tạm tính đến ngày 05/5/2021 gồm: nợ gốc: 12.927.264 đồng. Tiền lãi quá hạn: chấp nhận một phần yêu cầu về tiền lãi quá hạn được tính trên số nợ gốc 12.927.264 đồng.

Không chấp nhận phần yêu cầu về số tiền gốc là 1.892.971 đồng và không chấp nhận yêu cầu về tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền 1.892.971 đồng.

Yêu cầu về phí trễ hạn không được chấp nhận do vượt quá yêu cầu khởi kiện.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Trác Bội S trả số tiền còn nợ. Theo Kết quả xác minh của Công an Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn Trác Bội S, sinh năm 1991 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số đường B, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và hiện đang thực tế cư ngụ tại địa phương.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Trác Bội S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông S vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông S đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

3.1 Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc chót đến ngày 31/01/2020 là 14.820.235 đồng:

Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ, lời khai của nguyên đơn cung cấp và bản sao kê ngày 05/5/2021 đã thể hiện ông Trác Bội S đã thực hiện các giao dịch sử dụng

dịch vụ thẻ do nguyên đơn cung cấp, trong quá trình giao dịch ông S đã sử dụng số tiền giao dịch là 24.500.000 đồng, ông S thanh toán được số tiền là 22.850.000 đồng, bảng sao kê thể hiện ngày cuối cùng ông S thanh toán cho ngân hàng là ngày 30/9/2019. Số tiền nợ gốc mà bị đơn còn nợ xác định là 12.927.264 đồng.

Việc nguyên đơn đề 03 tháng (từ ngày 31/10/2019 đến ngày 31/01/2020) kể từ khi bị đơn không thanh toán được nợ mới tiến hành chấm dứt hợp đồng và chuyển nợ quá hạn là không có căn cứ. Không được quy định trong Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tại Điều 23 của Bản điều khoản quy định về vi phạm phương thức thanh toán như sau: *“Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ Thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và phải được trả bởi Chủ thẻ*

Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ;

Áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ”.

Trong thời gian 03 tháng nêu trên nguyên đơn vẫn có quyền tính lãi phát sinh và phí theo hợp đồng đã ký. Tuy nhiên nguyên đơn không thể cộng dồn phí và lãi phát sinh với số tiền là 1.892.971 đồng vào nợ gốc đã chốt đến ngày 30/9/2019 và chốt nợ gốc đến hết ngày 31/01/2020 là 14.820.235 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy việc xác định nợ gốc bao gồm cả phí và lãi phát sinh, sau đó tính lãi quá hạn là chưa chính xác, sẽ dẫn đến việc tính lãi chồng lãi. Ngày chốt nợ gốc để chuyển sang nợ quá hạn không căn cứ vào sự thỏa thuận giữa Ngân hàng và khách hàng. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn xác định số nợ gốc mà bị đơn còn nợ nguyên đơn chốt đến ngày 30/9/2019 số tiền là 12.927.264 đồng.

Không chấp nhận số nợ gốc tính từ ngày 31/10/2019 đến ngày 31/01/2020 là 1.892.971 đồng.

3.2 Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi quá hạn tính từ ngày 31/01/2020 đến ngày 05/5/2021 là 8.862.360 đồng:

Ngày 25/5/2017, bị đơn ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng và đồng ý mức lãi suất theo Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ của Sacombank áp dụng mức lãi suất đối với thẻ tín dụng quốc tế là 2,15%, mức lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại, mức lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng. Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất vay phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và phù hợp quy định tại Khoản 1, 2 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Như vậy số nợ gốc làm căn cứ tính lãi như nhận định ở phần trên xác định đến ngày 30/9/2019 là 12.927.264 đồng.

Do ngày 31/01/2020 nguyên đơn mới chấm dứt hợp đồng và chuyển số nợ gốc sang quá hạn và thời điểm từ ngày 30/9/2019 đến ngày 31/01/2020 nguyên đơn

vẫn tính lãi trong hạn 2,15%/tháng như bảng sao kê ngày 05/5/2021 là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Từ ngày 31/01/2020 đến ngày 05/5/2021 áp dụng lãi suất quá hạn tính trên số nợ gốc là 12.927.264 đồng theo mức lãi suất 3,225%/tháng. Cụ thể tiền lãi như sau:

Thời gian từ ngày 30/9/2019 đến ngày 31/01/2020 là 123 ngày;

Số tiền lãi là: $12.927.264 \text{ đồng} \times 123 \text{ ngày} \times 2,15\%/30 = 1.139.540 \text{ đồng (1)}$.

Thời gian từ ngày 31/01/2020 đến ngày 05/5/2021 là 460 ngày;

Số tiền lãi là: $12.927.264 \text{ đồng} \times 460 \text{ ngày} \times 3,225\%/30 = 6.392.530 \text{ đồng (2)}$.

Tổng số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tính từ ngày 30/9/2019 đến ngày 05/5/2021 là: $(1) + (2) = 7.532.070 \text{ đồng}$.

Về phí phát sinh từ ngày 30/9/2019 đến ngày 31/01/2020 do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trác Bội S phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với tổng số tiền tính đến ngày 05/5/2021 là: 20.459.334 đồng, trong đó nợ gốc là 12.927.264 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 05/5/2021 là 7.532.070 đồng. Không chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ gốc là 1.892.971 đồng và không chấp nhận yêu cầu về tiền lãi quá hạn là 1.330.290 đồng ($8.862.360 - 7.532.070$) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là tổ chức tín dụng có chức năng kinh doanh tiền tệ. Việc bị đơn chậm thanh toán nợ như trên gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Trác Bội S phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được chấp nhận trên số tiền là 20.459.334 đồng nên bị đơn - ông Trác Bội S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.022.967 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phải chịu án phí trên số tiền Tòa án không chấp nhận yêu cầu với số tiền là 3.223.261 đồng ($23.682.595 - 20.459.334 \text{ đồng} = 3.223.261 \text{ đồng}$) số tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Sau khi trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 512.592 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo biên lai số AA/2019/0052606 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền là 212.592 (Hai trăm mười hai nghìn năm trăm chín mươi hai đồng).

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, khoản 2 Điều 227 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc yêu cầu ông Trác Bội S trả nợ.

2. Buộc ông Trác Bội S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 20.459.334 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 12.927.264, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 05/5/2021 là 7.532.070 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 06/5/2021, ông Trác Bội S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trong việc yêu cầu ông Trác Bội S thanh toán tiền nợ gốc là 1.892.971 đồng và tiền lãi quá hạn là 1.330.290 đồng.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trác Bội S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.022.967 đồng (Một triệu không trăm hai mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng) nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Sau khi trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 512.592 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo biên lai số AA/2019/0052606 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11,

Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được hoàn lại số tiền là 212.592 đồng (Hai trăm mười hai nghìn năm trăm chín mươi hai đồng).

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 5 năm 2021.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Ngọc Minh;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 198/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân Hng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Nguyên H là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 648/2020/UQ-CNPL ngày 20/11/2020).

2. Bị đơn: Ông Trác Bội S, sinh năm 1991;

Địa chỉ: 1352/1E đường 3/2, Phường 2, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân Hng Thương mại Cổ phần S về việc yêu cầu ông Trác Bội S trả nợ.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

2. Buộc ông Trác Bội S có nghĩa vụ trả cho Ngân Hng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là **20.459.334 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng)**, trong đó nợ gốc là 12.927.264, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 05/5/2021 là 7.532.070 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 06/5/2021, ông Trác Bội S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh

lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân Hng cho vay thì lãi suất mà ông S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân Hng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân Hng cho vay.

Các tHnh viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

3. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân Hng Thương mại Cổ phần S trong việc yêu cầu ông Trác Bội S thanh toán tiền nợ gốc là 1.892.971 đồng và tiền lãi quá hạn là 1.330.290 đồng.

Các tHnh viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi Hnh án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi Hnh án dân sự có thẩm quyền.

Các tHnh viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trác Bội S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.022.967 đồng (Một triệu không trăm hai mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng) nộp tại Cơ quan Thi Hnh án dân sự có thẩm quyền.

Ngân Hng Thương mại Cổ phần S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Sau khi căn trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 512.592 đồng cho Ngân Hng Thương mại Cổ phần S theo biên lai số AA/2019/0052606 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi Hnh án dân sự Quận 11, THnh phố Hồ Chí Minh. Ngân Hng Thương mại Cổ phần S được hoàn lại số tiền là 212.592 đồng (Hai trăm mười hai nghìn năm trăm chín mươi hai đồng).

Các tHnh viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các tHnh viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các tHnh viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 50 phút, ngày 11 tháng 5 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả tHnh viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phúc